

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Phát triển kinh tế - xã hội với tốc độ cao và bền vững, cơ cấu kinh tế hợp lý trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện; đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, cơ bản xóa nghèo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Phát huy nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh và Trung ương; tăng cường hợp tác quốc tế trong khuôn khổ hợp tác giữa Kon Tum và các tỉnh Nam Lào.

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn với đô thị hóa và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đoàn kết các dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng - an ninh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng nhanh trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng và lợi thế của huyện; tập trung huy động các nguồn lực nhằm xây dựng huyện Ngọc Hồi trở thành thị xã vào cuối năm 2015 và sớm trở thành vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Kon Tum. Đẩy mạnh phát triển thương mại, du

lịch và làm đầu mối trung chuyển hàng hóa giữa các nước trong Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại; phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y thành đô thị loại II vùng biên giới vào năm 2025, gắn kết với hành lang kinh tế Đông - Tây của khu vực nhằm khai thác hiệu quả các điều kiện về địa lý - chính trị - kinh tế - xã hội. Nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân. Thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội; xây dựng quốc phòng - an ninh vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu kinh tế

- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011-2015 đạt 15-16%/năm, giai đoạn 2016-2020 đạt 16-17%/năm và giai đoạn 2021-2025 đạt 15-16%/năm.

- Tỷ trọng các ngành nông lâm thủy sản, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2015 là 31-32%, 39-40%, 28-29%; năm 2020 là 25-26%, 43-44%, 30-31% và năm 2025 là 19-20%, 46-47%, 34-35%.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2015 đạt trên 24,3 triệu đồng, năm 2020 khoảng 54-57 triệu đồng, năm 2025 khoảng 126-138 triệu đồng.

2.2. Mục tiêu xã hội

- Quy mô dân số đến năm 2015 đạt 55.000 người, đến năm 2020 và 2025 lần lượt đạt khoảng 65.000 và 75.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa của huyện được nâng lên 53,6% vào năm 2015, 60,8% năm 2020 và 69,2% năm 2025.

- Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,8%/năm giai đoạn 2011-2015, khoảng 1,6% giai đoạn 2016-2020 và 1,4% giai đoạn 2021-2025.

- Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 500-600 lao động; phần đầu đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt 35%, năm 2020 khoảng 50% và năm 2025 khoảng 65%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 3-4%/năm. Phần đầu đưa tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 15% vào năm 2015 (*theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015*).

- Phần đầu có 40% số trường học đạt chuẩn Quốc gia vào năm 2015, 50% năm 2020 và 80% năm 2025.

- Đến năm 2015: 100% số trạm y tế xã, thị trấn được kiên cố hóa và có bác sỹ; đến năm 2020, có 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020.

- Xây dựng từ 1-2 xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 và 50% số xã đạt tiêu chuẩn này vào năm 2020.

- Đến năm 2015, có 100% số cơ quan và 60% số thôn, làng đạt chuẩn văn hóa; năm 2020 tỷ lệ thôn, làng đạt chuẩn văn hóa được nâng lên 80%.

2.3. Mục tiêu môi trường

Đến năm 2020, giữ độ che phủ rừng của huyện ổn định ở mức 57-58%.

Tỷ lệ chất thải rắn tại đô thị được thu gom, xử lý hợp vệ sinh đạt khoảng 50% năm 2015, trên 80% năm 2020 và đạt 100% năm 2025. Các doanh nghiệp đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp phải có hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng và cam kết thực hiện tạo môi trường làm việc trong lành cho người lao động.

2.4. Mục tiêu quốc phòng an ninh

Phần đầu có trên 70% số xã vững mạnh toàn diện; 100% số xã có điểm dân quân vào năm năm 2015. Số xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh lần lượt đạt 90%, 100% vào năm 2015, 2020.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

- Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong các giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và 2021-2025 lần lượt là 15,7-16%, 16,9-17% và 16,7-17%. Tỷ trọng nhóm ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế năm 2015 chiếm 39-40%, năm 2020 là 43-44% và năm 2025 là 46-47%. Ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực; ngành công nghiệp chế biến cà phê, cao su, sắn, sản xuất đồ gỗ tinh chế xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất phân bón, vật liệu xây dựng....

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Gắn phát triển công nghiệp với việc hình thành khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới và mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời đảm bảo tính bền vững xét trên các khía cạnh kinh tế - xã hội và môi trường.

- Tạo ra các sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao, có lợi thế. Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến và sử dụng trang thiết bị hiện đại phù hợp với điều kiện của vùng nguyên liệu hiện có.

- Phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề đi đôi với phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, các ngành nghề dịch vụ ở nông thôn; phát huy thế mạnh các ngành nghề sản xuất truyền thống và phục vụ du lịch, xuất khẩu.

- Ưu tiên phát triển các ngành nghề có ưu thế về nguồn nguyên liệu, lao động và thị trường ổn định, có khả năng hợp tác gọi vốn từ bên ngoài và thu hồi vốn nhanh.

2. Thương mại - dịch vụ

- Phần đầu tốc độ tăng trưởng thương mại bình quân đạt 18%/năm giai đoạn 2011-2015 và 18-19%/năm cho cả giai đoạn 2016-2025. Tỷ trọng nhóm ngành thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế năm 2015 chiếm 28-29% và lần lượt chiếm 30-31%, 34-35% vào năm 2020, 2025.

- Hiện đại hoá cơ sở hạ tầng thương mại ở các khu đô thị, khu kinh tế cửa khẩu. Khuyến khích và có cơ chế thu hút các thành phần kinh tế xây dựng các siêu thị, trung tâm hội chợ triển lãm, hệ thống đại lý phân phối... Khuyến khích phát triển thương mại ở cả ba cấp (*tụ điểm thương mại, cụm thương mại và trung tâm thương mại*).

- Chú trọng phát triển thương mại biên giới, xây dựng chợ phiên tại khu vực cửa khẩu quốc tế Bờ Y; thúc đẩy giao thương giữa các tỉnh vùng biên của Việt Nam, Lào và Campuchia.

- Phấn đấu năm 2025, huyện Ngọc Hồi đón khoảng 10.000-15.000 lượt khách quốc tế và 40.000- 50.000 lượt khách nội địa.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển phương tiện vận tải, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân.

- Mở rộng mạng lưới ngân hàng, tổ chức tín dụng và kinh doanh tiền tệ trên địa bàn huyện nhằm huy động và đáp ứng kịp thời các nguồn vốn tín dụng cho phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Nông lâm thủy sản

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 12-13% giai đoạn 2011-2015, 11-12% giai đoạn 2016-2020 và 9-10% giai đoạn 2021-2025. Tỷ trọng nhóm ngành nông lâm thủy sản trong cơ cấu kinh tế năm 2015 là 31-32% , năm 2020 là 25-26% và năm 2025 là 19-20%.

- Xác định lại cơ cấu ngành nông lâm thủy sản theo hướng đa dạng hoá sản xuất; phát triển nông lâm nghiệp dựa trên yêu cầu đảm bảo tính bền vững về môi trường sinh thái và không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế; phát huy hiệu quả tiềm năng mặt nước cho phát triển thủy sản.

- Điều tra, quy hoạch, xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng hợp lý quỹ đất; thực hiện các giải pháp phát triển nông, lâm nghiệp kết hợp với công tác giao đất, quản lý và bảo vệ rừng cho các hộ gia đình và cộng đồng dân cư sống cạnh rừng.

- Xây dựng cơ sở chế biến gắn với vùng nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật, cán bộ làm công tác khuyến nông. Mở các lớp tập huấn cho các hộ nông dân nhằm nâng cao kiến thức, kỹ thuật thâm canh.

4. Phát triển các lĩnh vực xã hội

4.1. Dân số, lao động, giải quyết việc làm

- Quy mô dân số toàn huyện vào năm 2015 đạt khoảng 55.000 người; đến năm 2020, 2025 đạt 65.000 và 75.000 người. Dân số đô thị đạt 29.500 người vào năm 2015 và lần lượt đạt 39.500 người và 51.900 người vào năm 2020 và 2025.

- Đến năm 2025, cơ cấu lao động khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 45%, công nghiệp - xây dựng chiếm 30% và khu vực dịch vụ chiếm 25%.

- Phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đến năm 2015 đạt 35%, đạt 50% năm 2020 và khoảng 65% năm 2025.

- Đến năm 2025, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 500-600 lao động địa phương.

4.2. Giáo dục – đào tạo:

- Huy động trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt trên 99% vào năm 2015; trẻ em từ

11-14 tuổi vào học trung học cơ sở đạt trên 99% vào năm 2020.

- Phát triển mạng lưới và đa dạng hoá các loại hình trường lớp học và các cơ sở giáo dục đào tạo;

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn; chú trọng đào tạo học sinh dân tộc thiểu số, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số rất ít người.

- Hoàn thiện và phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng đa nghề, đa cấp để tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

- Duy trì Trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động có hiệu quả. Xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả. Xây dựng trung tâm ngoại ngữ và tin học. Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, hình thành mạng lưới dạy nghề với nhiều cấp độ. Thực hiện dạy nghề theo nhu cầu thị trường, dạy nghề theo địa chỉ,...

- Khuyến khích các doanh nghiệp phối hợp với cơ sở đào tạo mở các lớp dạy nghề trong doanh nghiệp (*có cấp chứng chỉ, bằng nghề*) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động học nghề và thực tập nghề ngay tại nơi làm việc.

4.3. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Xây dựng, phát triển hệ thống y tế hoàn chỉnh và đồng bộ từ cấp huyện đến cơ sở, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân; rút ngắn khoảng cách về chất lượng chăm sóc y tế của huyện so với mức trung bình của tỉnh.

- Củng cố và phát triển mạng lưới y tế dự phòng có đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện, khống chế và dập tắt các dịch bệnh, kể cả các dịch bệnh nguy hiểm mới phát sinh.

- Phân đầu đến năm 2015, bảo đảm 100% số trạm y tế xã, thị trấn được kiên cố hóa; duy trì 100% số trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ và tất cả các thôn/làng/tổ dân phố đều có nhân viên y tế thôn hoặc cộng tác viên y tế.

+ Nâng cấp bệnh viện đa khoa khu vực Ngọc Hồi với quy mô 250 giường vào năm 2015 và tăng lên 300 giường sau năm 2020.

+ Phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và hợp lý, bảo đảm đạt tỷ lệ 7 bác sỹ/1 vạn dân vào năm 2015, 10 bác sỹ/1 vạn dân vào năm 2020 và 14 bác sỹ/1 vạn dân vào năm 2025.

+ Đến năm 2020, phân đầu đạt 55 giường bệnh/1 vạn dân, năm 2025 có 60 giường bệnh/1 vạn dân.

4.4. Văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh - truyền hình

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"; đồng thời lồng ghép, bổ sung các phong trào văn hóa mới vào hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương và trong nhân dân; giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp, hình thành nếp sống văn minh.

- Đẩy mạnh giao lưu, trao đổi văn hóa và giữ gìn mối quan hệ truyền

thông giữa các huyện trong vùng và với các huyện của các tỉnh thuộc Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

- Phần đầu đến năm 2015 có 70%, năm 2020 có 80% và năm 2025 có 90% số gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

- Tập trung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ từ huyện đến cơ sở. 100% số xã, thị trấn có nhà văn hóa và 80% số thôn, làng có nhà văn hóa vào năm 2015; đến năm 2020, có 100% số thôn, làng có nhà văn hóa. Nâng cấp nhà văn hóa, thư viện huyện đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn.

- Đầu tư, bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa tiêu biểu, gắn với việc phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động văn hóa, khuyến khích các tổ chức kinh tế - xã hội, cộng đồng dân cư đầu tư hỗ trợ, xây dựng thiết chế văn hoá, phát triển các hoạt động văn hoá, đưa thông tin về cơ sở dưới nhiều hình thức với nhiều loại hình khác nhau như: Phát thanh, truyền hình, sách báo, tài liệu...

- Nâng cao công tác giáo dục thể chất trong nhà trường; rèn luyện chiến sĩ khỏe theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, rèn luyện thể lực với chất lượng ngày càng cao. Phát triển hoạt động thể dục thể thao thường xuyên trong cộng đồng đồng bào các dân tộc thiểu số; khai thác, giữ gìn và phát triển các môn thể thao truyền thống như: Bắn nỏ, đẩy gậy, kéo co, vật,...

- Phần đầu đến năm 2015 có 25%, đến năm 2020 có 30% và đến năm 2025 có 40% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thể dục thể thao theo quy hoạch được duyệt; tăng cường khai thác sử dụng hiệu quả các công trình thể dục thể thao hiện có.

- Duy trì tỷ lệ 100% số xã, thị trấn được phủ sóng phát thanh; truyền hình.

4.5. Khoa học và công nghệ

- Khảo nghiệm, tuyển chọn một số giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng và năng suất cao, phù hợp với vùng, tiểu vùng để phát triển nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến và bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chế biến nông lâm sản, khai khoáng, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng,.... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và đời sống.

- Đầu tư phát triển công nghệ phục vụ kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu Quốc tế Bờ Y.

4.6. Giảm nghèo và các chính sách xã hội

- Tổ chức thực hiện tốt Đề án giảm nghèo bền vững. Xây dựng các đề án, mô hình giảm nghèo; nâng cao nhận thức, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nghề và hỗ trợ về mặt pháp lý nhằm tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo.

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp tổ chức dạy nghề và nhận người nghèo vào làm việc ổn định trong doanh nghiệp.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; kêu gọi và khuyến khích các hoạt động nhân đạo của các tổ chức đoàn thể, xã hội, tổ chức phi chính phủ; chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng về bảo vệ trẻ em.

- Thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với người có công; tạo điều kiện về nhà ở, khám chữa bệnh và điều dưỡng phục hồi sức khỏe, ưu tiên trong giáo dục, vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chính sách của Đảng và Nhà nước đến đồng bào các dân tộc, đồng bào tôn giáo; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Nâng cao nhận thức trong hệ thống chính trị, quần chúng nhân dân về chính sách tôn giáo.

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật về an toàn giao thông đối với người dân trên địa bàn.

5. Bảo vệ môi trường

- Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ và cải thiện môi trường: Bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản; bảo vệ các thắng cảnh tự nhiên; giải quyết cơ bản tình trạng suy thoái môi trường tại các cơ sở sản xuất công nghiệp. Đưa nội dung bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án. Đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp và cộng đồng về sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- Phấn đấu đến năm 2020, có 100% số hộ gia đình sử dụng hố xí hợp vệ sinh, 80% dân cư nông thôn thực hành tốt vệ sinh cá nhân, 80% số chuồng trại chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải; 70% số ngành nghề, cơ sở chế biến có hệ thống xử lý chất thải; 100% các trường học, bệnh viện, trạm xá, chợ có công trình vệ sinh công cộng; Đến năm 2025, có 90% dân cư nông thôn thực hành tốt vệ sinh cá nhân; 100% số chuồng trại chăn nuôi có hệ thống xử lý chất thải; 90% số ngành nghề, cơ sở chế biến có hệ thống xử lý chất thải.

6. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch sản xuất và mục tiêu lâu dài về quốc phòng - an ninh; hình thành các cụm làng, xã biên giới, tạo thành vành đai biên giới có dân để làm nền tảng xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

- Bám sát Chương trình 51-Ctr/TU ngày 12/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Quy hoạch xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ của tỉnh giai đoạn 2011-2015 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh, củng cố tiềm lực trong khu vực phòng thủ, góp phần tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng nền quốc

phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc tại các địa bàn trọng yếu, nhất là địa bàn vùng biên giới. Quy hoạch bố trí dân cư ra vùng biên gắn với quy hoạch sản xuất, hình thành các cụm, tuyến làng xã liên hoàn, vững mạnh.

- Tăng cường sử dụng lực lượng quân dân y tại chỗ, phối hợp có hiệu quả với lực lượng tăng cường từ trên xuống; lấy lực lượng quân y các đơn vị biên phòng, các đơn vị đóng quân trên địa bàn biên giới làm nòng cốt.

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp các đường tuần tra biên giới bảo đảm phù hợp với hệ thống đồn, trạm biên phòng và với khu kinh tế - quốc phòng ở khu vực biên giới theo quy hoạch nhằm đảm bảo tính cơ động cho các lực lượng và các loại phương tiện quân sự trên tuyến biên giới, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng an ninh, đồng thời góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc.

7. Hệ thống kết cấu hạ tầng

7.1. Mạng lưới giao thông

Phối hợp đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Đường Hồ Chí Minh (đoạn qua huyện Ngọc Hồi dài 40 km); Quốc lộ 14C (đoạn qua huyện Ngọc Hồi dài 19 km); Quốc lộ 40 (nằm trên địa phận huyện Ngọc Hồi dài 20,5 km). Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các tuyến đường huyện, đường đô thị, đường thôn, xã và đường tuần tra biên giới nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại và sản xuất của người dân trên địa bàn, đồng thời góp phần giữ vững quốc phòng - an ninh.

7.2 Mạng lưới cấp điện

- Phần đầu đến năm 2020, hoàn thành việc xây dựng 06 nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện Ngọc Hồi với tổng công suất 30,9MW.

- Đến năm 2015, xây dựng trạm biến áp 110KV Bờ Y; xây đường mạch kép đấu nối trạm 110 KV Bờ Y chuyển tiếp trên đường dây 110KV Đăk Glei – Đăk Tô, đưa vào vận hành hỗ trợ trạm 110KV Bờ Y. Giai đoạn 2016-2020, xây dựng trạm biến áp Bờ Y; xây dựng đường dây mạch đơn Bờ Y – Sa Thầy để đấu nối trạm 110KV Sa Thầy.

- Cải tạo, xây mới các lưới điện trung thế, hạ thế trên địa bàn các xã/thị trấn trong huyện và Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

7.3 Bưu chính - viễn thông và công nghệ thông tin

- Phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hoá xã; nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng lưới phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản đến mọi đối tượng với chất lượng tốt nhất.

- Phần đầu duy trì 100% số xã mỗi ngày đều có ít nhất 01 chuyển thư.

- Xây dựng và phát triển toàn diện cơ sở hạ tầng viễn thông trên nền tảng công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp với dung lượng lớn và chất lượng cao. Mở rộng tuyến cáp quang kết nối đến tất cả các xã, đảm bảo 100% số xã, thị trấn được trang bị máy tính, mạng LAN.

7.4 Thủy lợi, thoát nước và vệ sinh môi trường

- Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư xây dựng công trình thủy lợi mới với duy

tu, bảo dưỡng, sửa chữa và khai thác hiệu quả các công trình thủy lợi hiện có; kết hợp đầu tư hệ thống cấp nước tập trung quy mô lớn ở trung tâm huyện và quy mô nhỏ ở các xã, thị trấn theo chương trình cung cấp nước sạch cho người dân nông thôn.

- Tận dụng các hồ chứa công trình thủy lợi để cấp nước sinh hoạt, phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản.

- Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi vừa và lớn đa mục tiêu khi cần đổi được nguồn vốn, như: Thủy lợi Ja Tun (*Đăk Ang*), Hòa Bình, Rừng Trắc (*Đăk Kan*), Đăk Ba, Đăk Kiệt II (*Đăk Dục*), Đăk Long II, Đăk Rơ Chăng (*Sa Loong*) và Đăk Hơ Na Hạ (*Đăk Nông*) nhằm cung cấp nước cho phát triển sản xuất và trữ nước để đảm bảo tưới tiêu trong mùa khô.

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ và kiên cố hóa hệ thống kênh mương và các hồ chứa. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tưới hiện đại để tiết kiệm nước và nâng cao giá trị sản phẩm.

- Tranh thủ thu hút các nguồn vốn ODA, NGO; kết hợp hình thức đầu tư nhà nước và nhân dân cùng làm, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước, nhà máy nước, trạm cấp nước có thu phí.

- Đảm bảo duy trì 100% dân số đô thị được dùng nước hợp vệ sinh với tiêu chuẩn bình quân 100-120 lít/người/ngày; 100% dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

7.5 Thu gom, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Đối với khu vực đô thị, khu cụm công nghiệp và bệnh viện: Phần đầu đến năm 2015, 100% chất thải công nghiệp, y tế và 90% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

- Đầu tư các phương tiện thu gom và vận chuyển rác thải. Xây dựng các khu xử lý rác thải với công nghệ thích hợp tại các đô thị, trước hết là tại trung tâm huyện, khu kinh tế cửa khẩu và khu cụm công nghiệp tập trung.

- Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh có diện tích phù hợp (khoảng 1,5-2 ha) tại các xã và các điểm dân cư.

- Cải tạo, xây dựng hệ thống các đường ống và kênh mương thoát nước tại thị trấn. Đầu tư trạm xử lý nước thải của trung tâm huyện và khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Đầu tư hệ thống thu gom và cơ sở xử lý nước thải tại khu cụm công nghiệp, bệnh viện trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Nâng tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đô thị đạt 80% vào năm 2020.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC LÃNH THỔ

1. Phát triển hệ thống đô thị, các điểm dân cư nông thôn

Tốc độ đô thị hoá của huyện đạt 17,65%/năm giai đoạn 2011-2015, khoảng 6,01%/năm giai đoạn 2016-2020 và khoảng 5,61%/năm giai đoạn 2021-2025. Đến năm 2015, tỷ lệ đô thị hoá đạt khoảng 53,6%, năm 2020 đạt khoảng 60,8% và năm 2025 là 69,2%.

Tập trung đầu tư xây dựng thị trấn Plei Kần để được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV và huyện trở thành thị xã vào cuối năm 2015; phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y theo định hướng Quy hoạch xây dựng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hình thành các thị tứ, điểm dân cư tập trung; từng bước xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng (chợ, bưu điện, cửa hàng thương mại...) tại các khu vực thuận lợi cho phát triển, giao lưu kinh tế, làm cơ sở cho việc hình thành các khu đô thị và đô thị hóa nông thôn.

2. Phát triển khu vực khó khăn

Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ, các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, giải quyết việc làm, dân số - kế hoạch hoá gia đình, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở... tạo điều kiện cho người dân khu vực khó khăn trong việc phát triển sản xuất, tăng thu nhập và nâng cao đời sống.

3. Định hướng sử dụng đất

Định hướng khai thác sử dụng đất huyện Ngọc Hồi phải phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, các điều kiện đặc thù của huyện về quốc phòng - an ninh, đặc điểm cư trú của đồng bào nhiều dân tộc thiểu số và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng...

Đến năm 2020, tổng diện tích tự nhiên toàn huyện không thay đổi, với 84.453,80 ha, đất nông nghiệp sẽ giảm xuống còn khoảng 73.053,49 ha, trong đó, đất trồng cây lâu năm tăng 5,37% so với năm 2010. Trong cơ cấu sử dụng, dự kiến đất lúa, đất cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất và đất nuôi trồng thủy sản lần lượt chiếm tỷ lệ 1,91%; 20,43%; 8,88%; 14,27%; 34,62% và 0,49%.

Diện tích đất phi nông nghiệp tăng khá vì diện tích đất ở và đất chuyên dùng đều tăng, từ 4,84% lên 13,2% diện tích tự nhiên.

Khai thác diện tích đất bằng và một phần đất đồi núi trọc trong quỹ đất chưa sử dụng vào mục đích sản xuất nông, lâm nghiệp và các mục đích khác.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN (có danh mục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Cải cách nền hành chính

- Tập trung cải cách bộ máy hành chính, hiện đại hóa công sở; ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan hành chính.

- Nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác cải cách hành chính ở địa phương; có chế độ chính sách hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách về công tác này. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện để có những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính nhằm

nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước, của đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và đặc biệt là các cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp thực thi công vụ.

2. Huy động vốn đầu tư

Dự báo, tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011-2025 cần 64.459 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2011-2015 khoảng 6.036 tỷ đồng, giai đoạn 2016-2020 khoảng 15.893 tỷ đồng và giai đoạn 2021-2025 khoảng 42.530 tỷ đồng (*giá hiện hành*). Đây là nhu cầu vốn đầu tư rất lớn. Để huy động vốn đầu tư, cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

- Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương

Tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế bằng cách tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao và đẩy mạnh tiết kiệm cho đầu tư phát triển; tăng cường công tác nuôi dưỡng và khai thác các nguồn thu để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Nghiên cứu, triển khai các biện pháp huy động vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; xác định cụ thể danh mục các công trình được đầu tư từ nguồn vốn phát triển quỹ đất.

- Đối với ngân sách Trung ương

Lựa chọn, xác định các công trình quan trọng, cấp thiết, có tính đột phá để đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Trung ương hỗ trợ vốn.

Phối hợp, tạo điều kiện để thực hiện tốt các dự án đầu tư của các Bộ, ngành Trung ương và các tập đoàn kinh tế đầu tư trên địa bàn tỉnh (*quốc lộ 14C, quốc lộ 40, mạng lưới điện, khu kinh tế cửa khẩu...*)

- Huy động vốn từ nguồn ODA

Chủ động đề xuất danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ODA cho từng giai đoạn; làm tốt công tác chuẩn bị dự án và kêu gọi đầu tư từ các tổ chức được Chính phủ cho phép hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư từ khu vực doanh nghiệp và dân cư

Chú trọng công tác huy động vốn từ dân cư và các doanh nghiệp thông qua công tác vận động, xúc tiến đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, làng nghề để tạo điều kiện thu hút đầu tư.

Đẩy mạnh xã hội hoá một số lĩnh vực: y tế, giáo dục, đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, nghiên cứu khoa học, văn hóa, thể dục thể thao.

Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức BOT, BTO, PPP... nhằm đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng.

Vận dụng linh hoạt, có hiệu quả cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Tổ chức thực hiện tốt các giải pháp và chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm có lợi thế của huyện.

- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):

Tích cực cải thiện môi trường đầu tư, đặc biệt là cải cách hành chính, kết

hợp với việc tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút tối đa nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

- Sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn tín dụng nhà nước cho đầu tư phát triển, đặc biệt là đối với các dự án ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

3. Cơ chế, chính sách

a) Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế phát triển kinh tế - xã hội

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành cơ chế tạo vốn đầu tư phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị.

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp; nghiên cứu triển khai các hình thức đầu tư như: BT, BOT, PPP.

- Về chế biến nông, lâm sản: Khuyến khích phát triển công nghiệp sơ chế nông, lâm sản sử dụng lao động là người dân tộc tại chỗ. Khuyến khích đầu tư công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến trong chế biến, phục vụ xuất khẩu (*cao su, cà phê...*). Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại tham gia đầu tư sản xuất, chế biến, kinh doanh.

- Về phát triển rừng: Nghiên cứu triển khai cơ chế tận dụng đất để trồng, bảo vệ và phòng chống cháy rừng, chống khai thác, phá rừng làm nương rẫy; có chính sách hưởng lợi từ nghề trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo đảm cho người làm nghề rừng gắn bó với rừng và có thu nhập khá từ nghề rừng...

- Về phát triển nông nghiệp và nông nghiệp kỹ thuật cao: Định hướng phát triển sản phẩm nông nghiệp sạch, chất lượng cao; tạo dựng được thương hiệu hàng hoá nông sản...

- Về phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, các khu cụm công nghiệp: Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; các loại thuế; chi phí đi lại và lưu trú trong khu kinh tế cửa khẩu...

- Kịp thời nắm bắt và triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Trung ương đối với tỉnh Kon Tum, trong đó có huyện Ngọc Hồi.

4. Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển nguồn nhân lực người đồng bào các dân tộc thiểu số thông qua việc mở rộng đối tượng cử tuyển; tăng cường đầu tư xây dựng trường dân tộc nội trú và bán trú; chú trọng đào tạo lao động là người dân tộc thiểu số tại chỗ để cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp đóng trên địa bàn; hỗ trợ và tạo điều kiện để người lao động nghèo, nhất là người dân tộc thiểu số có thể tham gia xuất khẩu lao động, góp phần xoá đói, giảm nghèo; tăng cường đào tạo lao động nông thôn, đặc biệt là thanh niên nông thôn là người đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng con em người đồng bào dân tộc thiểu số theo học ngành y và có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao tay nghề khi có điều kiện.

- Triển khai các giải pháp đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ cơ sở: Tổ chức tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn cho đội ngũ cán bộ thôn làng, xã, huyện về kiến thức quản lý kinh tế - xã hội, xây dựng và quản lý

chương trình, dự án; kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch. Ưu tiên tuyển chọn quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự là người của địa phương để đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực cho địa phương.

- Thực hiện chính sách luân chuyển và tăng cường cán bộ từ huyện về xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương, phụ cấp và chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Hợp tác nội vùng, liên vùng và hợp tác quốc tế

5.1 Hợp tác giữa các địa phương, các ngành trong vùng

- Phối hợp trong thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện với quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

- Tổ chức tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25-10-2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng mẫu lớn.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học với các địa phương trong nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời triển khai nhân rộng phổ biến trong toàn huyện.

- Hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển công nghiệp chế biến, phối hợp trong việc mở rộng thị trường để tránh tình trạng thừa năng lực chế biến hoặc thiếu nguyên liệu, lao động...

- Phối hợp tuyên truyền và quảng bá du lịch, hình thành các tour du lịch nhằm khai thác các lợi thế so sánh và đặc thù riêng của địa phương.

- Phối hợp trong việc khai thác, sử dụng và bảo vệ để phát triển bền vững tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng.

5.2 Hợp tác giữa huyện Ngọc Hồi với một số quận, huyện Thành phố Hồ Chí Minh và khu vực Duyên hải miền Trung

- Hợp tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch và thu hút đầu tư vào các dự án phát triển công nghiệp, du lịch trên địa bàn huyện Ngọc Hồi; chế biến, xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại các sản phẩm chủ lực của vùng như: Cao su, cà phê, gỗ...; kết nối các tour du lịch biển - đảo của vùng Duyên hải miền Trung với du lịch sinh thái rừng, núi, du lịch văn hóa của Tây Nguyên; đào tạo, y tế, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ huyện Ngọc Hồi xây dựng các vùng kinh tế mới, xóa đói giảm nghèo.

5.3 Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các địa phương của tỉnh liền kề của Lào (*tỉnh Attapu*) và Campuchia (*tỉnh Ranatakiri*).

- Tiếp tục duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác về an ninh biên giới.

- Hợp tác đầu tư phát triển giao thông, thủy điện, mạng lưới cấp điện, trồng và chế biến cao su, cà phê... tại các tỉnh của Campuchia và Lào; xây dựng khu kinh tế cửa khẩu, chợ biên giới, phát triển thương mại qua biên giới; phát

triển du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch qua các cửa khẩu; đưa lao động sang làm việc tại các địa phương của Campuchia và Lào theo hợp đồng của các doanh nghiệp.

- Hợp tác giúp bạn đào tạo nghề, đào tạo các kỹ thuật viên trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, hướng dẫn trong công tác quy hoạch, khảo sát tài nguyên; kiểm soát, khống chế các bệnh truyền nhiễm như sốt rét, sốt xuất huyết, HIV/AIDS, phòng ngừa và dập tắt dịch bệnh; chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân các nước bạn có nhu cầu.

- Về các lĩnh vực khác liên quan đến khu vực biên giới: Hợp tác kiểm tra, giữ gìn khu vực biên giới, phát hiện và bắt giữ kịp thời các phần tử xâm nhập khu vực biên giới trái phép, phòng chống các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm ma túy...; giải quyết vấn đề di dân tự do, việc xâm canh, xâm cư giữa các tỉnh biên giới.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch

Tổ chức công bố, phổ biến Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 cho cấp ủy Đảng, chính quyền; các ngành, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, huyện.

Tổ chức giới thiệu, quảng bá về tiềm năng, lợi thế của huyện; các chương trình, dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư.

2. Xây dựng chương trình hành động

- Trên cơ sở các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch, huyện Ngọc Hồi xây dựng chương trình hành động để thực hiện quy hoạch.

- Cụ thể hoá các mục tiêu Quy hoạch bằng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để thực hiện Quy hoạch có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong từng thời kỳ.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Ngọc Hồi đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác liên quan, các dự án đầu tư trên địa bàn huyện Ngọc Hồi.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và ngắn hạn; các chương trình, dự án cụ thể để tập trung thu hút đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

2. Nghiên cứu xây dựng, ban hành, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.


Điều 4. Các sở, ban, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi trong quá trình thực hiện quy hoạch; nghiên cứu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành một số chủ trương, cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ngọc Hồi trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện nêu trong Quy hoạch;

2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ huyện Ngọc Hồi trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; tổ chức triển khai các chương trình, dự án do sở, ngành quản lý thực hiện trên địa bàn huyện đảm bảo hiệu quả và tiến độ quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện Đắk Glei;
- Lưu VT, KTTH1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số ~~481~~⁴⁸¹/QĐ-UBND ngày ~~22/5~~^{22/5} /201~~4~~⁴ của UBND tỉnh Kon Tum)

Stt	Tên công trình, dự án
I	Dự án đầu tư từ nguồn vốn NSNN
1	Nâng cấp Quốc lộ 40 (Đoạn từ Plei Kần đến trục chính khu III - KKT Bờ Y)
2	Quốc lộ 14C đoạn qua Ngọc Hồi (giai đoạn 2)
3	Đường Nguyễn Sinh Sắc nối dài
4	Đường trục chính khu vực phía Tây thị trấn Plei Kần
5	Xây dựng các tuyến đường khu vực thị trấn Plei Kần
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường nội thị trấn Plei Kần
7	Đường Hồ Chí Minh đi Đăk Ang (đang đầu tư)
8	Đường giao thông từ trạm thu phí BOT đến trục chính Khu I (KKT Bờ Y)
9	Đường Pô Kô - Khu trung tâm Khu KTCK quốc tế Bờ Y
10	Đường D4 - Khu đô thị phía Bắc Bờ Y
11	Đường giao thông lên cửa khẩu phụ Đăk Kôi (KKT Bờ Y)
12	Đường vào khu công nghiệp tập trung (KKT Bờ Y)
13	Đường vào khu thương mại quốc tế (KKT Bờ Y)
14	Hệ thống điện chiếu sáng đường N5, NT18 (KKT Bờ Y)
15	Đường điện lên cửa khẩu phụ Đăk Kôi, cột mốc biên giới 3 nước: Việt Nam - Lào - Campuchia
16	Nâng cấp nhà máy cấp nước sinh hoạt thị trấn Plei Kần
17	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp Bờ Y
18	Hạ tầng các cụm TTCN, làng nghề
19	Đầu tư các công trình thủy lợi (Thủy lợi Đăk Hniêng và các thủy lợi khác)
20	Nâng cấp, mở rộng chợ thị trấn Plei Kần lên loại II
21	Trung tâm thương mại huyện Ngọc Hồi
22	Xây dựng chợ các xã, loại III
23	Chợ biên giới (giáp biên giới Việt Nam - Lào)

24	Xây dựng kho ngoại quan kiêm cảng nội địa (KKT Bờ Y)
25	Nâng cấp bệnh viện đa khoa Ngọc Hồi lên 250 giường
26	Trung tâm dạy nghề huyện Ngọc Hồi
27	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Ngọc Hồi
28	Di tích lịch sử chiến thắng Plei Kần
29	Quốc môn (KKT Bờ Y)
30	Nâng cấp sân vận động huyện Ngọc Hồi
31	Cung văn hóa thanh thiếu nhi huyện Ngọc Hồi
32	Nhà truyền thống huyện Ngọc Hồi
33	Trung tâm hội chợ, triển lãm, tổng hợp, chiếu phim
34	Nghĩa trang nhân dân huyện Ngọc Hồi
35	Trường học thị trấn Plei Kần và xã Đăk Sứ
36	Cải tạo, xây dựng các công viên cây xanh thị trấn Plei Kần
37	Công trình trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị huyện Ngọc Hồi
38	Trụ sở Ban quản lý khu kinh tế (KKT Bờ Y)
39	Trụ sở cơ quan cấp phường
40	Bãi đậu xe khu I (KKT Bờ Y)
II	Danh mục dự án kêu gọi đầu tư, tìm hiểu cơ hội đầu tư ngoài NSNN
1	Siêu thị Ngọc Hồi, loại II
2	Khu kinh doanh thương mại miễn thuế (KKT Bờ Y)
3	Kho và các điểm bán lẻ xăng dầu (KKT Bờ Y)
4	Kho ngoại quan (KKT Bờ Y)
5	Khu đô thị mới (Khu I - KKT Bờ Y)
6	Đường dây 110 KV từ Đăk Tô đến Ngọc Hồi
7	Xây dựng mới lưới điện sinh hoạt+kết hợp chiếu sáng công lộ
8	Cải tạo nâng cấp lưới điện sinh hoạt khu vực nội thị trấn Plei Kần
9	Đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ cao su (KCN Bờ Y)
10	Nhà máy tinh chế gỗ xuất khẩu (KCN Bờ Y)
11	Đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tại trung tâm huyện

12	Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nông sản (mì, ngô)
13	Các cơ sở gia công cơ khí, điện tử và gia dụng (KCN Bờ Y)
14	Nhà máy chế biến phân NPK (KCN Bờ Y)
15	Nhà máy sản xuất gạch không nung (KCN Bờ Y)
16	Xây dựng nhà máy sản xuất gạch tuynel xã Bờ Y
17	Xây dựng nhà máy xử lý rác thác của huyện và các khu xử lý rác thải tạm thời tại các xã

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư; tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng giai đoạn